

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 81/2017/TLST/HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn D, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: Anh Phạm C, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn D, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Phạm C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: Chị Trần Thị T và anh Phạm C thống nhất vợ chồng có 01 đứa con chung tên là Phạm Quang P, sinh ngày 15/10/2010, hiện đang sống cùng chị T. Hai bên thoả thuận giao cháu Phạm Quang P cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh C tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T 1.000.000 (Một triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 01/2018 cho đến khi cháu P trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về chia tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Phạm C thống nhất thoả thuận: Rút toàn bộ yêu cầu về phân chia tài sản chung là 01 ngôi nhà cấp 4 lợp tôn làm năm 2007; 01 xưởng may, tất cả có diện tích 168 m² làm trên thửa

đất số 184, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thôn D, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, được UBND huyện Q, tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 940497 ngày 07 tháng 7 năm 2008 mang tên Phạm C và Trần Thị T và nợ chung gồm: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q số tiền 62.000.000đ (sáu mươi hai triệu đồng). Nợ Quỹ tín dụng nhân dân xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng).

- Về án phí: Áp dụng Điều 147, khoản 3 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trần Thị T và anh Phạm C mỗi người phải nộp 75.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh C phải nộp 150.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Chị T thỏa thuận nộp thay án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng cho anh C. Số tiền án phí chị T phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh theo biên lai số 0001057 ngày 25/10/2017. Trả lại cho chị T 6.650.000đ (Sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Chấp nhận việc rút yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn; căn cứ Điều 5, Điều 71, Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung là 01 ngôi nhà cấp 4 lợp tôn làm năm 2007; 01 xưởng may, tất cả có diện tích 168 m² làm trên thửa đất số 184, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thôn D, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, được UBND huyện Q, tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 940497 ngày 07 tháng 7 năm 2008 mang tên Phạm C và Trần Thị T và nợ chung gồm: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q số tiền 62.000.000đ (sáu mươi hai triệu đồng). Nợ Quỹ tín dụng nhân dân xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng). Đang sự có quyền khởi kiện lại vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- UBND xã N, huyện N, tỉnh N;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn

